

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Hoà Bình

Số 41+42

Ngày 11 tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ BÌNH

18-09-2022	Quyết định số 176/QĐ-BCH Về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hoà Bình và phân công phụ trách địa bàn các huyện Cao Phong, Yên Thủy năm 2022	3
18-09-2022	Quyết định số 2079/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hoà Bình	6
03-10-2022	Quyết định số 2157/QĐ-UBND Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hoà Bình	31

- 07-10-2022 Quyết định số 2217/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình 49
- 07-10-2022 Quyết định số 2226/QĐ-UBND Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình 53

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

UBND TỈNH HÒA BÌNH
BAN CHỈ HUY PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM
KIỂM CỨU NẠN TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 176/QĐ-BCH

Hoà Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình và phân công phụ trách địa bàn các huyện Cao Phong, Yên Thủy năm 2022

TRƯỞNG BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 22/8/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban

chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-BCH ngày 26/01/2022 của Trưởng ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc thành lập đoàn công tác của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phụ trách địa bàn các huyện, thành phố năm 2022; Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Trưởng ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 729/TTr-SNN ngày 21/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình (*viết tắt Ban Chỉ huy*) như sau:

1. Ông Đỗ Thanh Bình – Giám đốc Công an tỉnh có nhiệm vụ:

- Trưởng đoàn công tác, phụ trách địa bàn huyện Cao Phong trong công tác phòng chống thiên tai.

- Chỉ đạo các lực lượng trong ngành thực hiện các nhiệm vụ trong công tác phòng chống thiên tai; xây dựng phương án và triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau thiên tai; tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, sơ tán dân, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

2. Ông Quách Cao Sơn – Phó Giám đốc Sở Xây dựng có nhiệm vụ:

- Trưởng đoàn công tác, phụ trách địa bàn huyện Yên Thủy trong công tác phòng chống thiên tai.

- Kiểm tra, rà soát chất lượng và đánh giá mức độ an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các biện pháp đảm bảo an toàn cho công trình phòng, chống thiên tai; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng trước, trong và sau thiên tai.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên và thực hiện theo Quyết định số 46/QĐ-BCH ngày 26/01/2022, Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Trưởng ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ông có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Bùi Văn Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2079/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 743/TTr-SNN ngày 26/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật (02 thủ tục cấp tỉnh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính (TTHC) tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ “csdl.dichvucong.gov.vn”; Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: dichvucong.hoabinh.gov.vn); Trang Thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>); Trang Thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT (địa chỉ: <http://sonongnghiep.hoabinh.gov.vn>).

Điều 2. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 06/10/2022.

+ Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, ngành liên quan và niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đồng bộ hóa dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Cổng Dịch vụ công tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế 02 TTHC cấp tỉnh lĩnh vực Bảo vệ thực vật, công bố tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH***(Kèm theo Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH***(Sửa đổi, bổ sung 02 TTHC cấp tỉnh trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật công bố tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).*

STT	Tên thủ tục hành chính/Mã TTHC	Thời gian giải quyết (Cắt giảm 30% TGGQ)	Địa điểm thực hiện	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Phí, lệ phí	Văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung TTHC
				Tiếp nhận	Trả kết quả		
	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004363.000.00.00.H28	Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu: 11 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	x	x	800.000 đồng/lần	Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

		Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện: 55 ngày					sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004346.000.00.00.H28	Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu: 11 ngày Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện: 55 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	x	x	800.000 đồng/lần	Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Phần II.**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT****1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật****1.1. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 1,5 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 03 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 3,5 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 42 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, qua Bưu điện hoặc Trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết (Cắt giảm 30% TGGQ): Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu: 11 ngày; Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện: 55 ngày. Cụ thể:

- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 1,5 ngày làm việc;

- Thẩm định hồ sơ: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;

- Thành lập đoàn đánh giá: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;

- *Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc;*
- *Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 3,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu);*
- *Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 42 ngày;*
- *Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).*

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

1.8. Phí, lệ phí:

Phí: 800.000 đồng/lần

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

- Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

- Kho thuốc bảo vệ thực vật

+ Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

+ Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 11/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm
2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

.....

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất hoạt chất

Sản xuất thuốc kỹ thuật

Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Cơ sở có cửa hàng

Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XVI
MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- | | |
|---|---|
| - DN nhà nước <input type="checkbox"/> | - DN cổ phần <input type="checkbox"/> |
| - DN liên doanh với nước ngoài <input type="checkbox"/> | - Hộ buôn bán <input type="checkbox"/> |
| - DN tư nhân <input type="checkbox"/> | - Khác: (ghi rõ loại hình) <input type="checkbox"/> |
| - DN 100% vốn nước ngoài <input type="checkbox"/> | |

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng (áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

- Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)
- Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại:Mobile:Fax:..... E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục XX**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN
THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm
2015**của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT ...
CHI CỤCCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**
Số:.....

Tên cơ sở:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tên đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

hoặc

Chủ cơ sở:

.....

Số chứng minh nhân dân số: Ngày cấp: Nơi cấp:

.....

Địa chỉ thường

trú:.....

Điện thoại: Fax:

Địa điểm cửa hàng buôn bán:

.....

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng....năm....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, số 485 đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn).

- Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 1,5 ngày làm việc.

Hồ sơ không hợp lệ thì trả lại hồ sơ và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 4: Thành lập đoàn đánh giá

Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định thành lập Đoàn đánh giá trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ.

- Bước 5: Đánh giá thực tế tại cơ sở

Đoàn đánh giá thông báo bằng văn bản cho cơ sở về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá 03 ngày, thời gian đánh giá tại cơ sở không quá 01 ngày làm việc.

- Bước 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT) trong thời hạn 3,5 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá

nhân khắc phục trong vòng 42 ngày. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại.

+ Trường hợp không cấp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết (Cắt giảm 30% TGGQ): Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu: 11 ngày; Trường hợp cơ sở chưa đủ điều kiện: 55 ngày. Cụ thể:

- *Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 1,5 ngày làm việc;*

- *Thẩm định hồ sơ: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;*

- *Thành lập đoàn đánh giá: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;*

- *Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc;*

- *Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 3,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế (trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu);*

- *Thời gian khắc phục nếu cơ sở chưa đủ điều kiện: 42 ngày;*

- *Cấp giấy chứng nhận cho cơ sở hoàn thành khắc phục: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo khắc phục hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết).*

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

2.8. Phí, lệ phí: Phí: 800.000 đồng/lần

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Trước 03 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Chủ cơ sở buôn bán thuốc hoặc người trực tiếp quản lý và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.

- Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện; khi xây dựng phải cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m.

- Kho thuốc bảo vệ thực vật

+ Đối với cơ sở bán buôn, kho thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5507:2002 Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;

+ Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kê kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13.

- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm.

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17 ngày 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- *Thông tư số 11 /2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.*

- *Quyết định số 3573/QĐ-BNN-BVTV ngày 21/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung.

Phụ lục XIV**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm
2015

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật hoặc

Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Tel: Fax:..... E-mail:

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

Đề nghị Quý cơ quan

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất hoạt chất

Sản xuất thuốc kỹ thuật

Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật

Đóng gói

Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

Cơ sở có cửa hàng

Cơ sở không có cửa hàng

Cấp mới Cấp lại lần thứ

Hồ sơ gửi

kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục XVI
MẪU BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 21 /2015 /TT-BNNPTNT ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

2. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....E-mail:

3. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước

- DN cổ phần

- DN liên doanh với nước ngoài

- Hộ buôn bán

- DN tư nhân

- Khác: *(ghi rõ loại hình)*

- DN 100% vốn nước ngoài

.....

4. Năm bắt đầu hoạt động:

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng *(áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)*

- Diện tích cửa hàng:m²
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: m² hoặc tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này (*Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế (*Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp*).
- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

- Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)
- Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên dưới 5000 kg

Kích thước kho: chiều dài (m): chiều rộng (m): chiều cao:

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện:

Địa chỉ:

Điện thoại:Mobile:Fax:..... E-mail:

b) Trạm cấp cứu gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km):

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

d) Đồn cảnh sát gần nhất:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km):

đ) Tên khu dân cư gần nhất:

Khoảng cách đến cơ sở (km):

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

Số: 2157/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 8349/TTr-VPUBND ngày 30/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (25 thủ tục); Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (25 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này tại nơi tiếp nhận, giải quyết, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, đồng thời đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của ngành, địa phương theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế danh mục tại Phụ lục I.18 của Bảo hiểm xã hội tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận/không tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục

DANH MỤC TTHC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 2157/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên TTHC	Cơ chế thực hiện	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết theo cơ chế một cửa (ngày) hiện	Thời gian giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông (Ngày)		QĐ công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Ghi chú
					Tổng số ngày	Trong đó		
						Cơ quan chủ trì giải quyết, trả kết quả		
A	DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HCC: 25 THỦ TỤC							
I	Lĩnh vực thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN							

1.1	Đăng ký, điều chỉnh đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp; cấp sổ BHXH, thẻ bảo hiểm y tế Mã TTHC 1.002051	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH tỉnh	0	QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
1.2	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH Mã 1.002179	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	3	3	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
1.3	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT Mã 1.001939	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
II	Lĩnh vực cấp sổ BHXH, thẻ BHYT								

2.1	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT Mã 1.002759	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
III	Lĩnh vực giải quyết hưởng các chế độ BHXH								
3.1	Giải quyết hưởng chế độ ốm đau Mã 1.001667	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.2	Giải quyết hưởng chế độ thai sản Mã 2.000693	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

3.3	Giải quyết hưởng trợ cấp dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp Mã 1.001598	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.4	Giải quyết hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp bị tai nạn lao động lần đầu Mã 1.001632	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.5	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN do thương tật, bệnh tật tái phát Mã 1.001521	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.6	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp đã bị TNLĐ, BNN, nay tiếp tục bị	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

	TNLD hoặc BNN Mã 1.001643								
3.7	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất Mã 2.000821	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	8	8	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.8	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg Mã 2.000762	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	30	30	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3.9	Giải quyết hưởng BHXH một lần Mã 1.001613	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp; cổng DVC quốc gia	5	5	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

3.10	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã Mã 2.000605	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	12	12	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.11	Giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ra nước ngoài để định cư và công dân nước ngoài đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng không còn cư trú ở Việt Nam Mã 2.000755	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.12	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

	định cư hợp pháp, người được Toà án hủy quyết định tuyên bố mất tích Mã <u>2.000809</u>								
3.13	Giải quyết chuyển hưởng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng Mã TTHC <u>1.001742</u>	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	Thực hiện ngay khi tiếp nhận hồ sơ	Thực hiện ngay khi tiếp nhận hồ sơ	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3.14	Giải quyết điều chỉnh, hủy quyết định, chấm dứt hưởng BHXH Mã <u>1.001710</u>	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6			QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.15	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	12	12			QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

	Nghị định số 14/2020/NĐ-CP Mã 1.001646								
IV	Lĩnh vực thực hiện chi chính sách BHYT								
4.1	Ký hợp đồng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế Mã <u>1.001798</u>		Trực tiếp	30	30	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ- BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
4.2	Thanh toán chi phí BHYT với cơ sở KCB BHYT Mã 1.001909		Trực tiếp	40	40	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ- BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
4.3	Thanh toán trực tiếp chi phí khám chữa bệnh BHYT Mã 1.001656		Trực tiếp	40	40	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ- BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
V	Lĩnh vực chi trả các chế độ BHXH								
5.1	Người hưởng lĩnh chế độ BHXH bằng tiền mặt chuyển sang lĩnh		Trực tiếp	1	1	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ- BHXH ngày 25/02/2021 của	

	bằng tài khoản cá nhân và ngược lại, hoặc thay đổi thông tin cá nhân Mã 2.000740							BHXH Việt Nam	
5.2	Ủy quyền lĩnh thay các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp Mã 1.001601		Trực tiếp	1	1	BHXH tỉnh		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
B	DANH MỤC TTHC TIẾP NHẬN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN: 25 THỦ TỤC								
I	Lĩnh vực thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN								
1.1	Đăng ký, điều chỉnh đóng BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp đến	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
1.2	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng BHXH tự nguyện; cấp sổ BHXH	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu	3	3	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng

			chính; Trực tiếp						Chính phủ
1.3	Đăng ký đóng, cấp thẻ BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
II	Lĩnh vực cấp sổ BHXH, thẻ BHYT								
2.1	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ BHXH, thẻ BHYT	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
III	Lĩnh vực giải quyết hưởng các chế độ BHXH								
3.1	Giải quyết hưởng chế độ ốm đau	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

3.2	Giải quyết hưởng chế độ thai sản	Một cửa	Giao dịch điện tử; Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3.3	Giải quyết hưởng trợ cấp DSPHSK sau ốm đau, thai sản, TNLĐ, BNN	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.4	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp bị TNLĐ lần đầu	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.5	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN do thương tật, bệnh tật tái phát	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.6	Giải quyết hưởng chế độ TNLĐ, BNN đối với trường hợp đã bị TNLĐ, BNN, nay tiếp tục bị TNLĐ	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

	hoặc BNN								
3.7	Giải quyết hưởng chế độ tử tuất	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	8	8	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.8	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 613/QĐ-TTg	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	30	30	BHXH tỉnh	BHXH huyện	QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.9	Giải quyết hưởng BHXH một lần	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp; công DVC quốc gia	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.10	Giải quyết hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	12	12	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

3.11	Giải quyết hưởng trợ cấp một lần đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng ra nước ngoài để định cư và công dân nước ngoài đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng không còn cư trú ở Việt Nam	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.12	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng đối với người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	5	5	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

3.13	Giải quyết chuyển hưởng sang địa bàn khác đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	Thực hiện ngay khi tiếp nhận hồ sơ	Thực hiện ngay khi tiếp nhận hồ sơ	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	QĐ số 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3.14	Giải quyết điều chỉnh, hủy quyết định, chấm dứt hưởng BHXH	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	6	6			QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
3.15	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Nghị định số 14/2020/NĐ-CP	Một cửa	Dịch vụ bưu chính; Trực tiếp	12	12	BHXH huyện	BHXH huyện	QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
IV	Lĩnh vực thực hiện chi chính sách BHYT								

4.1	Ký hợp đồng khám chữa bệnh BHYT		Trực tiếp	30	30	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
4.2	Thanh toán chi phí BHYT với cơ sở KCB BHYT		Trực tiếp	40	40	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
4.3	Thanh toán trực tiếp chi phí khám chữa bệnh BHYT		Trực tiếp	40	40	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
V	Lĩnh vực chi trả các chế độ BHXH								
5.1	Người hưởng lĩnh chế độ BHXH bằng tiền mặt chuyển sang lĩnh bằng tài khoản cá nhân và ngược lại, hoặc thay đổi thông tin cá nhân		Trực tiếp	1	1	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

5.2	Ủy quyền lĩnh thay các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp		Trực tiếp	1	1	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	
5.3	Truy lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH của người hưởng đã chết nhưng còn chế độ chưa nhận		Trực tiếp	1	1	BHXH huyện		QĐ số 222/QĐ-BHXH ngày 25/02/2021 của BHXH Việt Nam	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2217/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ
lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 06/8/2010 của Chính phủ về kiểm soát các thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3522/QĐ-BNN-TY ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 759/TTr-SNN ngày 03/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ (01 thủ tục) lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình được công bố tại Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH
(Kèm theo Quyết định số: 2217/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC hoặc lý do bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm 1.001094.000.00.00.H28	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Quyết định số 3522/QĐ-BNN-TY ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2226/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2289/QĐ-BVHTTDL ngày 20/9/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện ảnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 132/TTr-SVHTTDL ngày 29/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (01 thủ tục) trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ “csdl.dichvucong.gov.vn”; Trang Thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh (địa

chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>); Trang Thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (địa chỉ: <http://sovanhoa.hoabinh.gov.vn/>)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay thế 01 TTHC lĩnh vực Điện ảnh công bố tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời gian chậm nhất ngày 13/10/2022.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan đồng bộ hóa dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Cổng Dịch vụ công tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số: 2226/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Sửa đổi, bổ sung 01 TTHC lĩnh vực Điện ảnh công bố tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ công ích		Căn cứ pháp lý của thủ tục/Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
					Tiếp nhận	Trả kết quả	
*	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 1.003784.000.00.00.H28	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Không	x	x	<i>Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh</i>

PHẦN II.**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH***** THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH****1. Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.****1.1. Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân, tổ chức nhập khẩu văn hóa phẩm trong các trường hợp dưới đây nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép qua Cổng dịch vụ công, đường bưu điện hoặc trực tiếp đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh:

a) Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức tại địa phương;

b) Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

c) Văn hóa phẩm để tham gia triển lãm, tham dự các cuộc thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương;

d) Văn hóa phẩm do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ủy quyền cấp giấy phép;

e) Phim để phát hành, phổ biến theo quy định của pháp luật do Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương nhập khẩu;

đ) Di vật, cổ vật của cá nhân, tổ chức tại địa phương.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, viết giấy biên nhận và hẹn thời gian trả giấy phép.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

- Đối với văn hóa phẩm là phim: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải cấp giấy phép.

- Cá nhân, tổ chức nhận giấy phép tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm qua cổng Dịch vụ công; đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

b) Giấy chứng nhận bản quyền tác giả; hợp đồng; bản dịch tóm tắt bằng tiếng Việt nội dung phim và văn bản cam kết chịu trách nhiệm về nội dung phim nhập khẩu không vi phạm quy định của pháp luật; giấy ủy quyền; chứng nhận hoặc cam kết sở hữu hợp pháp đối với di vật, cổ vật;

c) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do. Thời gian giám định văn hóa phẩm nhập khẩu tối đa không quá 12 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân, tổ chức.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (mẫu đơn số 03 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

(1) Đối với văn hóa phẩm nhập khẩu là phim: Tổ chức có trách nhiệm cung cấp bản phim đã nhập khẩu và tờ khai hải quan (nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nộp bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) trong vòng 30 ngày kể từ khi có giấy phép nhập khẩu để giám định.

(2) Cơ quan cấp giấy phép nhập khẩu có biên bản giám định và bàn giao phim căn cứ trên hồ sơ và tóm tắt nội dung phim.

(3) Cá nhân nhập khẩu phim chỉ để sử dụng cho mục đích cá nhân cam kết không vi phạm quy định cấm tại Luật Điện ảnh và sử dụng phim đúng với quy định của pháp luật.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- *Nghị định số 22/2022/NĐ-CP ngày 25/3/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.*

- Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

** Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Mẫu số 03

BM.NK

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
(nếu là cơ quan, tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP PHÉP NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

Địa chỉ:.....

Điện thoại:Fax:.....

Đề nghị(tên cơ quan cấp phép) cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:

Nội dung văn hóa phẩm:

Gửi từ:

Đến:

Mục đích sử dụng:

Chúng tôi cam kết sở hữu hợp pháp đối với văn hóa phẩm nhập khẩu và xin cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép nhập khẩu, quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật./.

Người đề nghị cấp phép

(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, ghi chức vụ và đóng dấu)